

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ ; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Hình học - Tô pô

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Tất Thắng

2. Ngày tháng năm sinh: 29/10/1983; Nam ☒ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Phụng Lâu, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 14, ngách 158/51, phố Ngọc Hà, Phường Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Buu điện): Số 5A, hẻm 18, ngách '93/192, Đường Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0947272458; E-mail: ntthang@math.ac.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 10/2017 đến nay: Nghiên cứu viên chính tại Viện Toán học, Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

- Từ tháng 8/2005 đến tháng 9/2017: Nghiên cứu viên tại Viện Toán học, Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

- Từ tháng 7/2013 đến tháng 7/2015: Nghiên cứu viên sau tiến sĩ tại Trường đại học Tohoku, Nhật Bản
- Từ tháng 11/2012 đến tháng 1/2013: Nghiên cứu viên sau tiến sĩ tại Trường đại học Sydney, Úc
- Từ tháng 10/2011 đến tháng 8/2012: Nghiên cứu viên sau tiến sĩ tại Trường đại học Nice-Sophia Antipolis, Pháp

Chức vụ:

Hiện nay: Nghiên cứu viên chính; Chức vụ cao nhất đã qua: Nghiên cứu viên chính

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: Số 18, đường Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 37563 474

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- 1) Học Viện Khoa học và Công nghệ - Viện HL Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- 2) Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc Gia Hà Nội;
- 3) Trường Đại học Đà Lạt;
- 4) Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ;
- 5) Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội - Viện HL Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- 6) Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2;
- 7) Viện Toán học – Viện HL Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Ngoài ra tôi cũng tham gia giảng dạy ở một số cơ sở giáo dục khác như Đại học Tohoku (Nhật Bản, từ tháng 9/2013-7/2015), Đại học Bắc Kinh (Trung Quốc, từ tháng 10/2019-12/2019), Đại học Khoa học tự nhiên-ĐHQGHN, Đại học Tây Nguyên.

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu.

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- 1) Học Viện Khoa học và Công nghệ - Viện HL Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- 2) Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc Gia Hà Nội;
- 3) Trường Đại học Đà Lạt;
- 4) Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ;
- 5) Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội - Viện HL Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- 6) Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 6 năm 2005, ngành: Toán học, chuyên ngành: Hình học - Tô pô

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Khoa học tự nhiên-ĐHQGHN, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS: Chuyển tiếp nghiên cứu sinh.

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 12 năm 2012, ngành: Toán học, chuyên ngành: Hình học - Tô pô

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Khoa học tự nhiên-ĐHQGHN, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa được bổ nhiệm.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Phó giáo sư, tại HĐGS cơ sở: Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Phó giáo sư, tại HĐGS ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Lý thuyết kì dị;

- Hình học đại số.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp cơ sở (là chủ trì hai đề tài này);

- Đã công bố 12 bài báo KH, trong đó 12 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): không.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và hoàn thành các nhiệm vụ của nhà giáo theo Luật Giáo dục và các quy định của Nhà nước.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 14 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng Thạc sĩ đã hướng dẫn	Số Khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp(**)		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi(***)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	7/2005-6/2006					108		108/108
2	7/2006-6/2007					90		90/90
3	7/2015-6/2016				SP2: 02		VT: 90	90/171 (02* 18 + 90*1,5)

4	7/2016- 6/2017				SP2: 02	SP2: 60	VT: 120	180/276 276=02*18+60+120*1,5
3 năm học cuối								
5	7/2017- 6/2018				SP2: 02	SP2:60 ĐHCN:60 ĐHHV:64,3	HV: 60	244,3/286,3 286,3=02*18+54(SP2)+ 72(ĐHCN)+64,3(ĐHHV)+ 60 (HV)
6	7/2018- 6/2019			03	SP2: 02	SP2:120 ĐHCN:135 ĐHHV:54 USTH: 20		329/353 353=02*18+108(SP2)+ 135(ĐHCN)+54(ĐHHV) +20(USTH)
7	7/2019- 6/2020			01	SP2: 02	SP2: 60 ĐHCN:120 ĐHHV:54		234/263 263=02*18+54(SP2)+ 120(ĐHCN)+53(ĐHHV)

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Trước ngày 1/1/2011, theo Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT, Điều 10 khoản 3 b), Thời gian giảng dạy trực tiếp trên lớp để tính trong 1 năm thâm niên được quy đổi thành giờ chuẩn, nếu trong thời gian đó ứng viên xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS thực hiện đủ 120 giờ chuẩn, ứng viên xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh PGS thực hiện đủ 90 giờ chuẩn thì được tính 1 năm thâm niên đào tạo.

(**) Một số viết tắt:

- VT: Viện Toán học-Viện HL Khoa học và Công nghệ Việt Nam

- SP2: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

- ĐHCN: Đại học Công nghệ - ĐHQGHN

- ĐHHV: Đại học Hùng Vương, Phú Thọ

- HV: Học Viện Khoa học và Công nghệ -Viện HL Khoa học và Công nghệ Việt Nam

-USTH: Đại học Khoa học và Công nghệ -Viện HL Khoa học và Công nghệ Việt Nam

(***) Quy đổi giờ chuẩn:

- Tại cơ sở Viện Toán học – Viện HL KHCN VN, một tiết giảng dạy lý thuyết cho lớp trình độ ThS, TS được tính bằng 1,5 giờ chuẩn.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Tohoku, Nhật Bản, trong khoảng từ 15/7/2013 đến 15/7/2015.

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải:

- Tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh ở một số trường quốc tế chuyên biệt (ngắn hạn) tổ chức tại Việt Nam cũng như báo cáo tại nhiều hội nghị quốc tế trong nước và nước ngoài.

- Tham gia giảng dạy bằng tiếng Anh cho một số trường Đại học trong nước: Trường Đại học Khoa học và Công nghệ - Viện HL KHCN VN, Đại học Sư Phạm Hà Nội 2.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Đồng Phương Dung		x	x		12/2017-10/2018	Đại học Sư Phạm Hà Nội 2	28/3/2019
2	Nguyễn Thị Thảo		x	x		12/2017-8/2018	Đại học Sư Phạm Hà Nội	26/12/2018
3	Vũ Thị Luyến		x	x		12/2018-3/2019	Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	12/08/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Nghiên cứu giá trị rẽ nhánh của ánh xạ đa thức	CN	07/2013-VTH Cơ sở	06/03/2013-06/04/2013	8/4/2013/ Tốt
2	Các biến dạng generic của kỳ dị cô lập từ R^4 vào R^2	CN	B1/2016/VTH Cơ sở	10/2016-2/2017	3/3/2017/Tốt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF – theo WoS, Qi-theo Scopus)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập/số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án tiến sỹ								
1	On the topology of polynomial functions on algebraic surfaces in C^n	02	x	Contemporary Mathematics	Scopus	1 (MathScinet) 3 (Google Scholar)	475, 61-67	2008
2	On the topology of polynomial mappings from C^n to C^{n-1}	02	x	International Journal of Mathematics	ISI IF: 0,445 Q1	3 (MathScinet) 5 (Google Scholar)	22/3, 435-448	2011
Sau khi bảo vệ luận án tiến sỹ								
3	On the topology of rational functions in two complex variables	01	x	Acta Mathematica Vietnamica	ESCI, Scopus IF: 0,212** Q3	0	37/2, 171-187	2012

4	Bifurcation set, M-tameness, asymptotic critical values and Newton polyhedrons	01	x	Kodai Mathematical Journal	ISI IF: 0,321 Q3	4 (MathScinet) 6 (Google Scholar)	36/1, 77-90	2013
5	Generalized Broughton polynomials and characteristic varieties	01	x	Analele Stiintifice ale Universitatii Ovidius Constanta-Seria Matematica	ISI IF: 0,638 Q3	0	21/1, 215-223	2013
6	Admissibility of local systems for some classes of line arrangements	01	x	Canadian Mathematical Bulletin	ISI IF: 0,577 Q2	1 (MathScinet) 2 (Google Scholar)	57/3, 658-672	2014
7	A note on linear deformations of plane curve singularities	04	x	RIMS Kokuyroku		0	1948, 77-84	2015
8	On innermost circles of the sets of singular values for generic deformations of isolated singularities	04	x	Acta Mathematica Vietnamica	ESCI, Scopus IF: 0,212** Q3	1 (MathScinet) 1 (Google Scholar)	42/2, 237-247	2017
9	On linear deformations of Brieskorn singularities of two variables into generic maps	04	x	Tohoku Mathematical Journal	ISI IF: 0,667 Q2	3 (MathScinet) 4 (Google Scholar)	69(2)/1, 85-111	2017
10	A formal proof of the Kepler	22		Forum Math Pi	ISI IF: 5,25 Q1	6 (MathScinet) 193 (Google	5/e2, 1-29	2017

	conjecture					Scholar)		
11	Bifurcation sets of real polynomial functions of two variables and Newton polygons	03	x	Journal of the Mathematical Society of Japan	ISI IF: 0,496 Q2	0 (MathScinet) 1 (Google Scholar)	71/4, 1201-1222	2019
12	Bifurcation sets and global monodromies of Newton nondegenerate polynomials on algebraic sets	03	x	Publications of the Research Institute for Mathematical Sciences	ISI IF: 0,425 Q1	0	55/4, 811-834	2019
13	Contact loci, motivic Milnor fibers of nondegenerate singularities	02	x	Japan Academy. Proceedings. Series A. Mathematical Sciences	ISI IF: 0,309 Q3	0	96/2, 13-17	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 9.

** : Chỉ số ảnh hưởng IF của Acta. Math. Vietnamica được lấy theo CiteScore của Scopus.

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):
.....

- Giờ giảng dạy
- + Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
- + Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:
- + Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:
- + Đã hướng dẫn chính ☐ 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:
- c) Nghiên cứu khoa học
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
- Không đủ số CTKH là tác giả chính:
- + Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐
- Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:
- + Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐
- Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:
- (*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

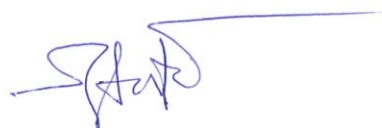
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tất Thắng